



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ 1/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Đã kiểm toán) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.742.719.875.013</b>	<b>3.472.717.136.729</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>3.737.515.002.924</b>	<b>3.468.203.146.189</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	68.880.261.540	60.193.684.900
111.1	1.1. Tiền		68.880.261.540	60.193.684.900
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.1	519.622.571.695	306.371.695.555
114	3. Các khoản cho vay	6.2	3.029.086.926.076	2.750.945.233.394
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		(19.997.479.770)	(19.997.479.770)
118	5. Trả trước cho người bán		3.268.794.605	424.654.405
119	6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	7	127.596.936.198	370.008.403.676
122	7. Các khoản phải thu khác	7	43.967.718.331	35.167.679.780
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(34.910.725.751)	(34.910.725.751)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>8</b>	<b>5.204.872.089</b>	<b>4.513.990.540</b>
131	1. Tạm ứng		328.900.386	433.534.797
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.848.213.103	4.052.697.143
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		27.758.600	27.758.600
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>150.085.624.438</b>	<b>144.125.197.959</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>8.108.154.793</b>	<b>9.116.376.326</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.952.510.927	5.630.956.930
222	1.1. Nguyên giá		45.894.730.810	45.772.044.510
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(40.942.219.883)	(40.141.087.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.155.643.866	3.485.419.396
228	2.1. Nguyên giá		30.273.565.250	29.853.565.250
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(27.117.921.384)	(26.368.145.854)
<b>240</b>	<b>II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>11</b>	<b>17.364.257.047</b>	<b>11.158.311.542</b>
<b>250</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>124.613.212.598</b>	<b>123.850.510.091</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.653.083.350	4.718.807.750
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	95.321.845.117	96.160.834.900
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.638.284.131	3.638.284.131
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.000.000.000	19.332.583.310
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.892.805.499.451</b>	<b>3.616.842.334.688</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Đã kiểm toán) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.378.994.894.075</b>	<b>1.224.924.883.425</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>1.378.994.894.075</b>	<b>1.224.924.883.425</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	14	990.544.632.449	1.000.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		990.544.632.449	1.000.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	60.718.555.800	32.610.005.800
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		3.053.340.275	2.936.065.430
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	31.563.760.464	39.140.841.363
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.279.307.931	2.681.960.041
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	16.053.922.827	23.851.769.991
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	273.017.252.241	108.811.108.212
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		764.122.088	14.893.132.588
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.513.810.605.376</b>	<b>2.391.917.451.263</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.513.810.605.376</b>	<b>2.391.917.451.263</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.626.839.121.491	1.581.839.121.491
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.297.567.580.000	1.272.567.580.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông		1.297.567.580.000	1.272.567.580.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		330.343.798.499	310.343.798.499
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(1.072.257.008)	(1.072.257.008)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		117.012.921.701	117.012.921.701
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		117.012.921.702	117.012.921.702
416	4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.961.374.994	3.961.374.994
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	19	648.984.265.488	572.091.111.375
417.1	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	19.2	698.212.109.793	628.246.013.560
417.2	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	19.2	(49.227.844.305)	(56.154.902.185)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.892.805.499.451</b>	<b>3.616.842.334.688</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Đã kiểm toán) VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
004	Nợ khó đòi đã xử lý	20.1	345.059.000	345.059.000
005	Ngoại tệ các loại	20.2	590.236.635	1.074.482.842
	Đô la Mỹ		23.868,80	45.182,58
	Yên Nhật		190.755	190.755
	Đô la Singapore		300	300
	Bảng Anh		100	100
	Đô la Đài Loan		3.200	3.200
	Đô la Canada		100	100
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	20.3	129.655.368	127.155.368
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	20.4	101.390	101.390
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK	20.5	116.944.680.000	74.178.610.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	20.6	1.010.000	1.010.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	20.7	1.906.300.000	2.099.960.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	20.8	60.213.953.548	60.297.270.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	20.9	13.580.293.470.000	12.992.363.100.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		11.138.918.620.000	10.695.622.580.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		11.913.780.000	12.819.940.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.743.500.990.000	1.964.810.500.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		90.276.820.000	90.276.820.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		595.683.260.000	228.833.260.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Đã kiểm toán) VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>			
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	20.10	56.021.270.000	38.878.010.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		11.417.120.000	22.049.360.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		44.604.150.000	16.828.650.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20.11	306.171.260.000	219.655.840.000
026	Tiền gửi của khách hàng	20.12	787.640.460.435	581.883.723.061
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		787.640.460.435	581.883.723.061
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.13	787.640.460.435	581.883.723.061
031.1	- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		787.456.222.244	581.657.003.061
031.2	- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		184.238.191	226.720.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		66.862.328.777	11.057.768.772

Người lập



Lê Thị Thùy Dương

Kế Toán Trưởng



Lâm Hữu Hồ

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc




Johan Nyvene

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		24.954.724.739	11.822.693.141	24.954.724.739	11.822.693.141
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	9.582.879.985	4.205.856.398	9.582.879.985	4.205.856.398
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	6.3	5.250.420.687	1.649.273.971	5.250.420.687	1.649.273.971
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	21.3	10.121.424.067	5.967.562.772	10.121.424.067	5.967.562.772
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.3	91.307.065.226	72.707.997.968	91.307.065.226	72.707.997.968
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21.4	94.501.059.920	76.261.049.751	94.501.059.920	76.261.049.751
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.4	4.878.290.899	2.869.045.723	4.878.290.899	2.869.045.723
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.4	1.452.861.341	1.153.485.443	1.452.861.341	1.153.485.443
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	21.4	617.989.609	560.750.734	617.989.609	560.750.734
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>217.711.991.734</b>	<b>165.375.022.760</b>	<b>217.711.991.734</b>	<b>165.375.022.760</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.233.768.880	5.875.566.513	1.233.768.880	5.875.566.513
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	2.910.406.073	8.650.360.004	2.910.406.073	8.650.360.004
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	6.3	(1.676.637.193)	(2.774.793.491)	(1.676.637.193)	(2.774.793.491)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		16.103.547.288	4.782.265.359	16.103.547.288	4.782.265.359
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	22	8.096.961.884	4.407.911.682	8.096.961.884	4.407.911.682
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22	48.998.642.529	43.745.171.215	48.998.642.529	43.745.171.215
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	22	2.053.308.000	2.532.000.000	2.053.308.000	2.532.000.000
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	22	1.459.195.895	1.156.699.266	1.459.195.895	1.156.699.266
32	7. Chi phí hoạt động khác	22	212.773.531	190.664.579	212.773.531	190.664.579
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>78.158.198.007</b>	<b>62.690.278.614</b>	<b>78.158.198.007</b>	<b>62.690.278.614</b>



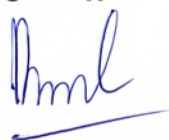
# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		1.105.622.002	1.000.746.885	1.105.622.002	1.000.746.885
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>1.105.622.002</b>	<b>1.000.746.885</b>	<b>1.105.622.002</b>	<b>1.000.746.885</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	23	<b>25.210.535.513</b>	<b>23.377.031.087</b>	<b>25.210.535.513</b>	<b>23.377.031.087</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>115.448.880.216</b>	<b>80.308.459.944</b>	<b>115.448.880.216</b>	<b>80.308.459.944</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		-	-	-	-
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>115.448.880.216</b>	<b>80.308.459.944</b>	<b>115.448.880.216</b>	<b>80.308.459.944</b>
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		108.521.822.336	75.884.392.482	108.521.822.336	75.884.392.482
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		6.927.057.880	4.424.067.462	6.927.057.880	4.424.067.462
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>		<b>20.555.726.102</b>	<b>15.628.231.520</b>	<b>20.555.726.102</b>	<b>15.628.231.520</b>
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		20.555.726.102	15.628.231.520	20.555.726.102	15.628.231.520
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>94.893.154.113</b>	<b>64.680.228.424</b>	<b>94.893.154.113</b>	<b>64.680.228.424</b>

Người lập



Lê Thị Thùy Dương

Kế Toán Trưởng



Lâm Hữu Hồ



Ngày 20 tháng 04 năm 2017  
Tổng Giám Đốc



Johan Nyvene

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN</b>		<b>115.448.880.215</b>	<b>80.308.459.944</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
03	Khấu hao TSCĐ	9,10	1.550.907.833	1.372.142.696
04	Các khoản dự phòng		-	-
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	-
08	Dự thu tiền lãi	7	(6.922.462.779)	(1.817.395.834)
10	<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>			
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		-	-
18	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>			
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5,3	(3.573.783.494)	(4.424.067.462)
30	<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>106.503.541.775</b>	<b>75.407.525.178</b>
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(209.677.092.646)	(19.664.995.883)
33	Tăng các khoản cho vay		(278.141.692.682)	271.955.111.047
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		242.411.467.478	(198.780.225.061)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(4.721.715.972)	2.682.124.515
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(8.316.798.048)	(4.412.891.867)
42	Giảm chi phí trả trước		43.473.823	(459.950.195)
43	Thuế TNDN đã nộp		(28.854.214.980)	(18.924.105.880)
45	Giảm phải trả cho người bán		28.225.824.845	233.196.502.776
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		597.347.890	611.470.230
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(7.577.080.899)	(1.323.138.192)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		196.062.276.763	(161.591.794.556)
52	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		6.801.430.999	729.666.738
60	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>43.356.768.346</b>	<b>179.488.527.182</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.748.631.805)	(1.311.095.520)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	-
70	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.748.631.805)</b>	<b>(1.311.095.520)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		45.000.000.000	-
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(615.510)
73	Tiền vay gốc	14	4.880.374.926.698	2.080.885.638.742
73.2	- Tiền vay khác		4.880.374.926.698	2.080.885.638.742
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(4.889.830.294.249)	(2.308.388.689.866)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(4.889.830.294.249)	(2.308.388.689.866)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(63.466.192.350)	(63.485.637.675)
80	<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(27.921.559.901)</b>	<b>(290.989.304.309)</b>
90	<b>TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>		<b>8.686.576.640</b>	<b>(112.843.486.813)</b>
101	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	5	<b>60.193.684.900</b>	<b>164.147.260.813</b>
101.1	Tiền		60.193.684.900	164.147.260.813
103	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	5	<b>68.880.261.540</b>	<b>51.303.774.000</b>
103.1	Tiền		68.880.261.540	51.303.774.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B03b-CTCK

## PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		14.475.074.714.500	11.192.314.262.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(14.541.497.546.000)	(11.234.885.733.750)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		273.632.430.215	62.728.073.073
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.452.861.341)	(1.153.485.443)
20	<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>205.756.737.374</b>	<b>19.003.116.380</b>
	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>581.883.723.061</b>	<b>493.009.558.764</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		581.883.723.061	493.009.558.764
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		581.883.723.061	493.009.558.764
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>		<b>787.640.460.435</b>	<b>512.012.675.144</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.13	787.640.460.435	512.012.675.144
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		787.640.460.435	512.012.675.144

Người lập

Lê Thị Thùy Dương

Kế Toán Trưởng

Lâm Hữu Hồ



Ngày 20 tháng 04 năm 2017  
Tổng Giám Đốc

Johan Nyvene

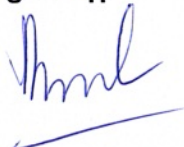
# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2016 VND	Ngày 01/01/2017 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/03/2016 VND	Ngày 31/03/2017 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.582.140.489.041	1.581.839.121.491	(615.510)	-	45.000.000.000	-	1.582.139.873.531	1.626.839.121.491
1.1. Cổ phiếu phổ thông		1.272.567.580.000	1.272.567.580.000	-	-	25.000.000.000	-	1.272.567.580.000	1.297.567.580.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		310.343.798.499	310.343.798.499	-	-	20.000.000.000	-	310.343.798.499	330.343.798.499
1.3. Cổ phiếu quỹ		(770.889.458)	(770.889.458)	(615.510)	-	-	-	(771.504.968)	(1.072.257.008)
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		101.786.372.632	101.786.372.632	-	-	-	-	101.786.372.632	117.012.921.702
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		101.786.372.631	101.786.372.631	-	-	-	-	101.786.372.631	117.012.921.701
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.961.374.994	3.961.374.994	-	-	-	-	3.961.374.994	3.961.374.994
5. Lợi nhuận chưa phân phối	19.2	489.874.717.764	572.091.111.375	64.680.228.424	-	94.893.154.113	(18.000.000.000)	554.554.946.188	648.984.265.488
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		547.779.193.929	628.246.013.560	60.256.160.962	-	87.966.096.233	(18.000.000.000)	608.035.354.891	698.212.109.793
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(57.904.476.165)	(56.154.902.185)	4.424.067.462	-	6.927.057.880	-	(53.480.408.703)	(49.227.844.305)
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.279.549.327.062</b>	<b>2.391.917.451.263</b>	<b>64.679.612.914</b>	<b>-</b>	<b>139.893.154.113</b>	<b>(18.000.000.000)</b>	<b>2.344.228.939.976</b>	<b>2.513.810.605.376</b>

Người lập



Lê Thị Thùy Dương

Kế Toán Trưởng



Lâm Hữu Hồ



Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc



Johan Nyvene



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp tại ngày 23 tháng 4 năm 2003, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản sửa đổi khác.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5 và 6 tòa nhà AB Tower số 76, Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là: 715 người (31 tháng 12 năm 2016 : 701 người)

### ***Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty***

#### *Quy mô vốn*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.297.567.580.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.513.810.605.376 VND, tổng tài sản là 3.892.805.499.451 VND.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

#### *Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2017 tăng 47% so với kết quả cùng kỳ năm 2016 với các nguyên nhân chính yếu như sau:

Doanh thu hoạt động Quý 1 năm 2017 tăng 32% so với cùng kỳ năm 2016:

- Doanh thu hoạt động môi giới Quý 1 năm 2017 tăng 24% chủ yếu do giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán Quý 1 năm 2017 tăng 34% so với cùng kỳ năm 2016 nhưng thị phần của HSC có sự suy giảm so với Quý 1 năm 2016. Nguyên do của sự suy giảm thị phần của HSC là một số mã chứng khoán có giá trị giao dịch cao trên thị trường trong Quý 1 năm 2017 nhưng giao dịch không đáng kể qua HSC hoặc HSC không cho vay ký quỹ nhiều với các mã chứng khoán này như FLC, ROS ...;
- Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ (trong phần doanh thu lãi từ các khoản cho vay và phải thu) Quý 1 năm 2017 tăng 26% so với cùng kỳ năm 2016. Cùng với sự gia tăng giá trị giao dịch toàn thị trường nói chung và qua HSC nói riêng, số dư nợ cho vay bình quân của hoạt động giao dịch ký quỹ tại HSC trong Quý 1 năm 2017 cũng tăng so với số dư cho vay bình quân cùng kỳ năm 2016 và đây là nguyên nhân chính yếu của doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ.
- Hoạt động đầu tư tự doanh đã đóng góp phần tích cực hơn vào tổng doanh thu của HSC khi doanh thu Quý 1 năm 2017 tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2016.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tổng chi phí hoạt động và chi phí quản lý Công ty Quý 1 năm 2017 tăng 20% so với tổng chi phí cùng kỳ năm 2016, tốc độ tăng của tổng chi phí chậm hơn tốc độ tăng doanh thu trong đó:

- Chi phí hoạt động (chi phí liên quan trực tiếp đến các hoạt động tạo ra doanh thu) tăng 25% trong Quý 1 năm 2017, phù hợp với sự gia tăng của doanh thu môi giới như chi phí môi giới trả lại cho các sở giao dịch chứng khoán, chi phí lương và hoa hồng cho nhân viên môi giới, chi phí lãi vay ngân hàng tăng cao tài trợ cho nhu cầu tăng của hoạt động giao dịch ký quỹ;
- Chi phí quản lý tăng 8% giữa hai kỳ so sánh.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### 2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các chính sách kế toán đã ban hành và có hiệu lực trong năm 2017

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

### 3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

### 3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

### 3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

#### *Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 3.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động – Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

### 3.8 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí quản lý" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 3.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 3.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

### 3.13 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

### 3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.15 Lợi ích của nhân viên

#### 3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

#### 3.15.2 Trợ cấp thôi việc phải trả (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

#### 3.15.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán*

Doanh thu được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

### 3.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### 3.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

### 3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3.22 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.22 *Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

#### *Các quỹ*

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

### 3.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.24 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

## 4. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

### 4.1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>							
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	95.953.921.261	24.954.724.739	4.293.517.435	92.412.687.228	1.202.763.073	-	218.817.613.736
2. Các chi phí trực tiếp	63.662.719.367	2.958.035.441	2.133.475.425	32.523.157.681	423.293.102	-	101.700.681.016
3. Chi phí khấu hao	646.212.921	334.680	1.139.151	1.007.256.183	13.109.569	-	1.668.052.504
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>31.644.988.973</b>	<b>21.996.354.618</b>	<b>2.158.902.859</b>	<b>58.882.273.364</b>	<b>766.360.402</b>	<b>-</b>	<b>115.448.880.216</b>
<i>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>							
1. Tài sản bộ phận	1.665.202.955.998	519.622.571.695	-	1.591.153.956.063	510.589.175	-	3.776.490.072.931
2. Tài sản phân bổ	83.474.478.105	740.021.968	1.776.052.726	6.512.193.328	13.320.395.441	-	105.823.141.568
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	10.492.284.952	10.492.284.952
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.748.677.434.103</b>	<b>520.362.593.663</b>	<b>1.776.052.726</b>	<b>1.597.666.149.391</b>	<b>13.830.984.616</b>	<b>10.492.284.952</b>	<b>3.892.805.499.451</b>
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	71.227.645.823	-	-	1.191.771.916.666	1.672.716.713	-	1.264.672.279.202
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	114.322.614.873	114.322.614.873
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>71.227.645.823</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.191.771.916.666</b>	<b>1.672.716.713</b>	<b>114.322.614.873</b>	<b>1.378.994.894.075</b>

### Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	614.010.669	614.575.794
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	68.266.250.871	59.579.109.106
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.880.261.540</b>	<b>60.193.684.900</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### 6.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>456.870.222.452</b>	<b>451.619.801.765</b>	<b>116.041.876.192</b>	<b>115.341.556.730</b>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	26.111.985.200	24.979.500.000	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen (HSG)	55.413.518.334	56.925.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	33.759.364.943	36.074.065.700	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	69.684.340.516	73.048.932.000	18.645.308.328	19.187.220.000
Công ty cổ phần GTNFOODS (GTN)	17.500.000.000	19.875.000.000	17.500.085.500	20.750.083.000
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB)	21.707.305.612	21.442.000.000	15.239.160.000	15.675.633.000
Quỹ ETF VFMVN30 (VFMVN30)	6.199.955.889	6.416.027.000	10.603.043.078	10.798.506.000
Cổ phiếu khác	226.493.751.958	212.859.277.065	54.054.279.286	48.930.114.730
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>111.980.193.548</b>	<b>68.002.769.930</b>	<b>246.484.721.548</b>	<b>191.030.138.825</b>
Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam	21.803.640.000	21.803.640.000	21.803.640.000	21.803.640.000
Công ty Tài chính TNHH HD Saison	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	16.967.999.502	1.511.472.000	16.967.999.502	1.511.472.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Bình	12.025.000.000	6.200.000.000	12.025.000.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	10.950.000.000	585.000.000	10.950.000.000	585.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	8.000.000.000	330.000.000	8.000.000.000	330.000.000
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	7.550.000.000	2.160.000.000	7.550.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	4.900.000.000	1.586.117.750	4.900.000.000	1.586.117.750
Cổ phiếu khác	12.783.554.046	16.826.540.180	147.288.082.046	139.753.909.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>568.850.416.000</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>362.526.597.740</b>	<b>306.371.695.555</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay ký quỹ	3.019.846.499.170	3.019.846.499.170	2.666.330.636.119	2.666.330.636.119
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	9.240.426.906	9.240.426.906	84.614.597.275	84.614.597.275
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.029.086.926.076</b>	<b>3.029.086.926.076</b>	<b>2.750.945.233.394</b>	<b>2.750.945.233.394</b>

### 6.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

STT	Các loại tài sản tài chính	Số dư cuối kỳ					Số đầu năm				
		Giá mua/giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua/giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý đầu kỳ VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND
				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>1</b>	<b>FVTPL</b>	<b>568.850.416.000</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>5.250.420.687</b>	<b>(59.724.421.970)</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>362.526.597.740</b>	<b>306.371.695.555</b>	<b>5.246.169.979</b>	<b>(61.401.072.164)</b>	<b>306.371.695.555</b>
1	Cổ phiếu niêm yết	456.870.222.452	451.619.801.765	5.250.420.687	(4.269.852.218)	270.807.371.945	116.041.876.192	115.341.556.730	5.246.169.979	(5.946.489.441)	115.341.556.730
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	111.980.193.548	68.002.769.930	-	(55.454.569.752)	248.815.199.750	246.484.721.548	191.030.138.825	-	(55.454.582.723)	191.030.138.825
	<b>Tổng cộng</b>	<b>568.850.416.000</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>5.250.420.687</b>	<b>(59.724.421.970)</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>362.526.597.740</b>	<b>306.371.695.555</b>	<b>5.246.169.979</b>	<b>(61.401.072.164)</b>	<b>306.371.695.555</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	127.596.936.198	370.008.403.676
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán (i)</i>	<i>67.459.033.645</i>	<i>312.618.075.234</i>
<i>Phải thu tiền mua chứng khoán (ii)</i>	<i>59.044.295.155</i>	<i>51.168.439.301</i>
<i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	<i>1.093.607.398</i>	<i>6.221.889.141</i>
Phải thu khác	43.967.718.331	35.167.679.780
<i>Trong đó: dự thu tiền lãi</i>	<i>6.922.462.779</i>	<i>1.817.395.834</i>
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(34.910.725.751)	(34.910.725.751)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>136.653.928.778</u></b>	<b><u>370.265.357.705</u></b>

(i) Đây là khoản phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán tiền bán chứng khoán 2 ngày cuối quý. Khoản phải thu này đã được thanh toán trong các ngày đầu tháng 04 năm 2017.

(ii) Đây là khoản phải thu tiền mua chứng khoán từ một tổ chức. Khoản phải thu này đã được thanh toán vào ngày 3 tháng 4 năm 2017.

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tạm ứng	328.900.386	433.534.797
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.848.213.103	4.052.697.143
- Chi phí bảo trì	1.779.137.503	1.231.762.818
- Công cụ và dụng cụ xuất dùng	477.800.608	498.091.845
- Trả trước các dịch vụ khác	2.591.274.992	2.322.842.480
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	27.758.600	27.758.600
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.204.872.089</u></b>	<b><u>4.513.990.540</u></b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.462.891.640	42.309.152.870	45.772.044.510
Mua trong kỳ	-	122.686.300	122.686.300
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>3.462.891.640</u>	<u>42.431.839.170</u>	<u>45.894.730.810</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	2.031.687.575	38.109.400.005	40.141.087.580
Khấu hao trong kỳ	86.963.475	714.168.828	801.132.303
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>2.118.651.050</u>	<u>38.823.568.833</u>	<u>40.942.219.883</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>1.431.204.065</u>	<u>4.199.752.865</u>	<u>5.630.956.930</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>1.344.240.590</u>	<u>3.608.270.337</u>	<u>4.952.510.927</u>

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	29.853.565.250
Mua mới	420.000.000
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>30.273.565.250</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	26.368.145.854
Hao mòn trong kỳ	749.775.530
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>27.117.921.384</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>3.485.419.396</u>
Ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>3.155.643.866</u>

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Mua phần mềm	5.489.404.276	5.298.570.886
Xây dựng hệ thống IT	9.497.331.236	4.052.293.236
Tài sản khác	2.377.521.535	1.807.447.420
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.364.257.047</u></b>	<b><u>11.158.311.542</u></b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước về thuê trụ sở văn phòng	94.660.764.164	95.368.949.432
Chi phí cải tạo văn phòng	611.116.271	723.757.334
Chi phí vật dụng văn phòng	49.964.682	68.128.134
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.321.845.117</b>	<b>96.160.834.900</b>

## 13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm và giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào quỹ là 20 tỷ đồng. Trong năm 2017 Công ty đã nộp đủ 20 tỷ đồng vào Quỹ hỗ trợ thanh toán.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	19.212.583.310	18.224.666.297
Tiền lãi nhận được trong kỳ	667.416.690	987.917.013
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>19.332.583.310</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

### 14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Lãi suất vay %/ năm</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số vay trong kỳ VND</i>	<i>Số đã trả trong kỳ VND</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>
Vay ngắn hạn	7,0-7,2	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.050.000.000.000	950.000.000.000
Vay thuê chi ngân hàng	6,0-6,5	-	1.880.374.926.698	1.839.830.294.249	40.544.632.449
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.000.000.000.000</b>	<b>4.880.374.926.698</b>	<b>4.889.830.294.249</b>	<b>990.544.632.449</b>

Các khoản vay ngắn hạn này có thời hạn từ 1 đến 3 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả NĐT đặt cọc mua cổ phiếu	17.170.000.000	17.170.000.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	43.548.555.800	15.440.005.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.718.555.800</b>	<b>32.610.005.800</b>

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.555.726.101	28.854.214.980
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	6.591.264.521	3.547.047.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	2.920.315.572	4.073.130.728
Thuế nhà thầu	-	1.297.255.563
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	1.414.695.930	1.033.089.189
Thuế giá trị gia tăng	81.758.339	336.102.930
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.563.760.463</b>	<b>39.140.841.363</b>

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phụ cấp hoàn thành công việc	4.500.000.000	12.000.000.000
Phí môi giới phải trả Sở GDCK	6.682.388.063	4.733.085.057
Chi phí lãi vay	518.950.884	3.615.835.487
Phải trả khác	4.352.583.880	3.502.849.447
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.053.922.827</b>	<b>23.851.769.991</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÁN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Cổ tức trả cổ đông Công ty	4.299.755.338	67.765.947.688
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	62.944.200.000	35.453.170.000
Trả hộ cổ tức	3.918.128.777	2.566.598.772
Nhà đầu tư đặt cọc mua trái phiếu	200.708.333.333	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.146.834.793	3.025.391.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>273.017.252.241</b>	<b>108.811.108.212</b>

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	698.212.109.793	628.246.013.560
Lợi nhuận chưa thực hiện	(49.227.844.305)	(56.154.902.185)
<b>Tổng cộng</b>	<b>648.984.265.488</b>	<b>572.091.111.375</b>

### 19.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước (1/1/2017 và 1/1/2016)	572.091.111.375	547.779.193.929
Lỗ chưa thực hiện cuối kỳ (tại 31/03/2017 và 31/12/2016)	6.927.057.880	(56.154.902.185)
Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ	87.966.096.233	302.781.407.323
<b>Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn</b>	<b>666.984.265.488</b>	<b>794.405.699.067</b>
Số tạm trích các quỹ từ lợi nhuận	(18.000.000.000)	(40.478.672.852)
Số lãi phân phối cho cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	-	(181.835.914.840)
<b>Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn</b>	<b>648.984.265.488</b>	<b>572.091.111.375</b>

## 20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 20.1. Nợ khó đòi đã xử lý

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu khác	345.059.000	345.059.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.2. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ	23.868,80	45.182,58
Yên Nhật	190.755	190.755
Đô la Singapore	300	300
Bảng Anh	100	100
Đô la Đài Loan	3.200	3.200
Đô la Canada	100	100
<b>Quy đổi VND</b>	<b>590.236.635</b>	<b>1.074.482.842</b>

### 20.3. Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi tiết theo Loại < = 1 năm;	1.296.553.680.000	1.271.553.680.000

### 20.4. Cổ phiếu quỹ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi tiết theo Loại < = 1 năm;	1.013.900.000	1.013.900.000

### 20.5. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	114.453.380.000	39.289.910.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	585.000.000	585.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.906.300.000	34.303.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>116.944.680.000</b>	<b>74.178.610.000</b>

### 20.6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.010.000	1.010.000

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	1.906.300.000	2.099.960.000

### 20.8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	60.213.953.548	60.297.270.000

### 20.9. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	11.138.918.620.000	10.695.622.580.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	11.913.780.000	12.819.940.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.743.500.990.000	1.964.810.500.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	90.276.820.000	90.276.820.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	595.683.260.000	228.833.260.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.580.293.470.000</b>	<b>12.992.363.100.000</b>

### 20.10. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.417.120.000	22.049.360.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	44.604.150.000	16.828.650.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.021.270.000</b>	<b>38.878.010.000</b>

### 20.11. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	306.171.260.000	219.655.840.000



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 20.12. Tiền gửi của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	787.640.460.435	581.883.723.061

### 20.13. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Loại phải trả</b>		
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	787.640.460.435	581.883.723.061
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	787.456.222.244	581.657.003.061
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	184.238.191	226.720.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>787.640.460.435</b>	<b>581.883.723.061</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

## 21. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### 21.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán kỳ này VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ này VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
Công ty Cổ phần Viettronics tân Bình (VTB)	412.630	18.899	7.798.127.390	17.200	-	1.887.400.890
Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30	5.457.030	10.461	57.084.777.450	11.300	1.588.429.650	-
Cổ phiếu khác	9.120.850	26.127	238.298.544.771	26.127	7.994.450.335	1.023.005.183
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.990.510</b>		<b>303.181.449.611</b>		<b>9.582.879.985</b>	<b>2.910.406.073</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

B09g-CTCK

## 21. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua/giá gốc theo sổ kế toán VND	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ VND	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch đánh giá lại hạch toán thu nhập/(chi phí) kỳ này VND
<b>I</b>	<b>FVTPL</b>					
<b>1</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	-	-	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	33.759.364.943	36.074.065.700	2.314.700.757	-	2.314.700.757
	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	26.111.985.200	24.979.500.000	(1.132.485.200)	-	(1.132.485.200)
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	55.413.518.334	56.925.000.000	1.511.481.666	-	1.511.481.666
	Công ty Cổ phần Điện thoại Thế Giới Di Động (MWG)	69.684.340.516	73.048.932.000	3.364.591.484	-	3.364.591.484
	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS)	2.240.059.204	972.300.000	(1.267.759.204)	-	(1.267.759.204)
	Công ty Cổ phần GTNFOODS (GTN)	17.500.085.500	19.875.000.000	2.374.914.500	3.249.997.500	(875.083.000)
	Khác	252.160.868.755	223.256.997.000	(28.903.871.755)	(3.950.329.933)	(24.953.541.822)
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	-	-	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Đông Á	16.967.999.502	1.511.472.000	(15.456.527.502)	(15.456.527.502)	-
	Công ty CP Thủy sản Cà Mau	10.950.000.000	585.000.000	(10.365.000.000)	(10.365.000.000)	-
	CTCP Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Minh Hải	8.000.000.000	330.000.000	(7.670.000.000)	(7.670.000.000)	-
	CTCP Địa Ốc Tân Bình	12.025.000.000	6.200.000.000	(5.825.000.000)	(5.725.000.000)	(100.000.000)
	CTCP Thủy Đặc Sản Seaspimex	7.550.000.000	2.160.000.000	(5.390.000.000)	(5.390.000.000)	-
	CTCP Bảo Hiểm Viễn Đông	5.442.600.000	114.000.000	(5.328.600.000)	(5.328.600.000)	-
	CTCP XNK Thủy Sản Cần Thơ	4.900.000.000	1.586.117.750	(3.313.882.250)	(3.313.882.250)	-
	CTCP Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn (SPT)	4.406.400.000	2.200.840.000	(2.205.560.000)	(2.205.560.000)	-
	Khác	41.738.194.046	69.803.347.245	28.065.153.199	-	28.065.153.199
	<b>Tổng cộng</b>	<b>568.850.416.000</b>	<b>519.622.571.695</b>	<b>(49.227.844.305)</b>	<b>(56.154.902.185)</b>	<b>6.927.057.880</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 21. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Quý 1/2017 VND	Quý 1/2016 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	10.121.424.067	5.967.562.772
Từ các khoản cho vay	91.307.065.226	72.707.997.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.428.489.293</b>	<b>78.675.560.740</b>

### 21.4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Quý 1/2017 VND	Quý 1/2016 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	94.501.059.920	76.261.049.751
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4.878.290.899	2.869.045.723
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.452.861.341	1.153.485.443
Thu nhập từ hoạt động khác	617.989.609	560.750.734
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.450.201.769</b>	<b>80.844.331.651</b>

## 22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Quý 1/2017 VND	Quý 1/2016 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	48.998.642.529	43.745.171.215
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	16.103.547.288	4.782.265.359
Chi phí hoạt động tự doanh	8.096.961.884	4.407.911.682
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.053.308.000	2.532.000.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.459.195.895	1.156.699.266
Chi phí hoạt động khác	212.773.531	190.664.579
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.924.429.127</b>	<b>56.814.712.101</b>

## 23. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Quý 1/2017 VND	Quý 1/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.061.713.011	11.818.107.141
- Lương và các khoản phúc lợi	12.833.108.011	10.702.107.141
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.228.605.000	1.116.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.184.495.187	5.125.450.834
Chi phí khấu hao TSCĐ	882.250.998	759.549.892
Chi phí công cụ, dụng cụ	139.861.027	156.666.894
Chi phí thuế, phí và lệ phí	49.810.012	216.744.315
Chi phí khác	5.892.405.278	5.300.512.011
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.210.535.513</b>	<b>23.377.031.087</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 24.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30,87% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Tổng Giám đốc của DC Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là đại diện phần vốn của DC
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 29,47% cổ phần Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC Ủy viên HĐQT của Công ty là Trưởng phòng Đầu tư của HFIC
Vietnam Debt Fund SPC (VDF)	Công ty con của DC
Vietnam Enterprise Investments	Công ty con của DC
Amersham Industries Limited	Công ty con của DC
Vietnam Property Fund Limited	Công ty con của DC
Cam Vietnam Mother Fund	Công ty con của DC
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Công ty con của DC

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Môi giới Mua chứng khoán	105.165.500.000
	Môi giới Bán chứng khoán	290.409.115.000
	Doanh thu phí môi giới	386.017.124
	Phí tư vấn	1.800.000.000
Vietnam Debt Fund SPC.	Môi giới mua chứng khoán	211.899.500.000
	Môi giới bán chứng khoán	55.577.000.000
	Doanh thu phí môi giới	53.495.300
Vietnam Enterprise Investments Limited	Môi giới Mua chứng khoán	5.109.000.000
	Môi giới Bán chứng khoán	12.023.188.800
	Doanh thu phí môi giới	25.698.283
Cam Vietnam Mother Fund	Môi giới Mua chứng khoán	102.972.376.500
	Môi giới Bán chứng khoán	150.399.473.500
	Doanh thu phí môi giới	380.057.783
DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Môi giới Mua chứng khoán	108.868.471.300
	Môi giới Bán chứng khoán	10.928.000.000
	Doanh thu phí môi giới	179.694.707
Amersham Industries Limited	Môi giới Mua chứng khoán	27.146.125.000
	Môi giới Bán chứng khoán	23.430.924.750
	Doanh thu phí môi giới	75.865.575
Các nhân viên Quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc)	Thu nhập và thù lao	4.976.709.056

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09g-CTCK

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

và cho giai đoạn từ ngày 31 tháng 01 năm 2017 cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

## 24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 24.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị VND</u>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Phí tư vấn	1.800.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Tiền gửi giao dịch chứng khoán	24.876.734

Người lập

Lê Thị Thùy Dương

Kế Toán Trưởng

Lâm Hữu Hồ

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc



Johan Nyvene